BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐH NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1634 /QĐ-NNH	*Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, viên chức đợt 1 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp I thành Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Trường và theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2012 cho **84** (tám mươi tư) cán bộ, viên chức của Trường (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, TC-KT, Trưởng các đơn vị liên quan và cán bộ, viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Trần Đức Viên

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, TCCB.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2012

(Kèm theo Quyết định số 1634 /QĐ-NNH ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc đợt 1 năm 2012					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính nâng, bậc, PCTNVK lần sau				
I.	**CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN**																		
1	Hồ Hồng	Thái	1958		Đại học	01.002	2	4.74		04/2009	01.002	3	5.08		04/2012	3	0.340	996,200	
2	Nguyễn Anh	Tuấn	1982		Đại học	01.003	1	2.34		04/2009	01.003	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
3	Nguyễn Bình	Trung	1985		Đại học	01.003	1	2.34		04/2009	01.003	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
4	Nguyễn Thu	Hằng		1977	Đại học	01.003	2	2.67		06/2009	01.003	3	3.00		06/2012	1	0.330	346,500	
5	Nguyễn Thị Phương	Lan		1979	Thạc sỹ	01.003	2	2.67		04/2009	01.003	3	3.00		04/2012	3	0.330	966,900	
6	Phạm Đức	Ngà	1977		Thạc sỹ	01.003	2	2.67		02/2009	01.003	3	3.00		02/2012	5	0.330	1,514,700	
7	Lê Thị Thu	Nhàn		1974	Đại học	01.003	2	2.67		01/2009	01.003	3	3.00		01/2012	6	0.330	1,788,600	
8	Trần Thuý	Lan		1977	Đại học	01.003	2	2.67		01/2009	01.003	3	3.00		01/2012	6	0.330	1,788,600	
9	Nguyễn Thị Hà	Nam		1973	Đại học	01.003	4	3.33		05/2009	01.003	5	3.66		05/2012	2	0.330	693,000	
10	Bùi Thị Lan	Hương		1984	Đại học	01.004	1	1.86		02/2010	01.004	2	2.06		02/2012	5	0.200	918,000	
11	Bùi Đạo	Tĩnh		1984	Cao đẳng	01.004	1	1.86		02/2010	01.004	2	2.06		02/2012	5	0.200	918,000	
12	Trần Thị	Giang		1982	Trung cấp	01.004	4	2.46		05/2010	01.004	5	2.66		05/2012	2	0.200	420,000	
13	Nguyễn Mạnh	Thược	1971		Trung cấp	01.004	4	2.46		01/2010	01.004	5	2.66		01/2012	6	0.200	1,084,000	
14	Nguyễn Thị	Châu		1958	Trung cấp	01.004	5	2.66		02/2010	01.004	6	2.86		02/2012	5	0.200	918,000	
15	Nguyễn Doãn	Lâm	1984		CN-Sơcấp	01.007	3	2.01		04/2010	01.007	4	2.19		04/2012	3	0.180	527,400	
16	Trần	Hanh	1967			01.007	5	2.37		02/2010	01.007	6	2.55		02/2012	5	0.180	826,200	
17	Nguyễn Thị	Nghi		1960		01.009	8	2.26		01/2010	01.009	9	2.44		01/2012	6	0.180	975,600	
18	Vũ Thị	Chung		1966		01.009	8	2.26		01/2010	01.009	9	2.44		01/2012	6	0.180	975,600	
19	Nguyễn Xuân	Bình	1962		CN-SơCấp	01.010	5	2.77		01/2010	01.010	6	2.95		01/2012	6	0.180	975,600	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc đợt 1 năm 2012					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính nâng, bậc, PCTNVK lần sau				
20	Vũ Thị	Trang		1978	Thạc sỹ	06.031	1	2.34		04/2009	06.031	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
21	Trần Thị Thu	Trang		1979	Cao đẳng	06.032	5	2.66		01/2010	06.032	6	2.86		01/2012	6	0.200	1,084,000	
22	Đỗ Thị	Khuyên		1977	Thạc sỹ	13.095	1	2.34		06/2009	13.095	2	2.67		06/2012	1	0.330	346,500	
23	Nguyễn Xuân	Xanh	1980		Thạc sỹ	13.095	1	2.34		06/2009	13.095	2	2.67		06/2012	1	0.330	346,500	
24	Võ Văn	Hiểu	1982		Đại học	13.095	1	2.34		06/2009	13.095	2	2.67		06/2012	1	0.330	346,500	
25	Nguyễn Đức	Hùng	1980		Thạc sỹ	13.095	1	2.34		04/2009	13.095	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
26	Nguyễn Thị	Phương		1979	Đại học	13.095	1	2.34		04/2009	13.095	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
27	Nguyễn Thị Phương	Lan		1982	Đại học	13.095	1	2.34		01/2009	13.095	2	2.67		01/2012	6	0.330	1,788,600	
28	Phạm Bích	Tuấn	1972		Thạc sỹ	13.095	2	2.67		06/2009	13.095	3	3.00		06/2012	1	0.330	346,500	
29	Ngô Đăng	Truyền	1979		Đại học	13.095	2	2.67		05/2009	13.095	3	3.00		05/2012	2	0.330	693,000	
30	Phạm Thu	Giang		1976	Đại học	13.095	2	2.67		03/2009	13.095	3	3.00		03/2012	4	0.330	1,240,800	
31	Hoàng Thị	Hiên		1969	Đại học	13.095	3	3.00		01/2009	13.095	4	3.33		01/2012	6	0.330	1,788,600	
32	Vũ Thị Thuý	Hằng		1979	Đại học	13.095	3	3.00		01/2009	13.095	4	3.33		01/2012	6	0.330	1,788,600	
33	Nguyễn Văn	Mạnh	1961		Đại học	13.095	7	4.32		06/2009	13.095	8	4.65		06/2012	1	0.330	346,500	
34	Nguyễn Văn	Tuyến	1986		Đại học	13.096	1	1.86		03/2010	13.096	2	2.06		03/2012	4	0.200	752,000	
35	Hà Thị Phương	Mai		1985	Đại học	13.096	1	1.86		02/2010	13.096	2	2.06		02/2012	5	0.200	918,000	
36	Phạm Trung	Đức	1983		Cao đẳng	13.096	2	2.06		02/2010	13.096	3	2.26		02/2012	5	0.200	918,000	
37	Nguyễn Thị	Khánh		1970	Đại học	13.096	2	2.06		02/2010	13.096	3	2.26		02/2012	5	0.200	918,000	
38	Nguyễn Thị Liên	Minh		1981	Đại học	13.096	2	2.06		02/2010	13.096	3	2.26		02/2012	5	0.200	918,000	
39	Nguyễn Trường	Thành	1983		Cao đẳng	13.096	2	2.06		02/2010	13.096	3	2.26		02/2012	5	0.200	918,000	
40	Nguyễn Thị Châu	Giang		1981	Trung cấp	13.096	4	2.46		01/2010	13.096	5	2.66		01/2012	6	0.200	1,084,000	
41	Trần Thị	Huệ		1965	Trung cấp	13.096	10	3.66		01/2010	13.096	11	3.86		01/2012	6	0.200	1,084,000	
42	Nguyễn Thế	Toàn	1976		Đại học	13.096	11	3.86		03/2010	13.096	12	4.06		03/2012	4	0.200	752,000	
43	Nguyễn Thị	Nguyệt		1967	Thạc sỹ	15.110	1	4.40		01/2009	15.110	2	4.74		01/2012	6	0.340	1,842,800	
44	Vũ Như	Quán	1953		Tiến sỹ	15.110	1	4.40		01/2009	15.110	2	4.74		01/2012	6	0.340	1,842,800	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc đợt 1 năm 2012					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính nâng, bậc, PCTNVK lần sau				
45	Bùi Trần Anh	Đào	1970		Tiến sỹ	15.110	1	4.40		01/2009	15.110	2	4.74		01/2012	6	0.340	1,842,800	
46	Nguyễn Thị Minh	Hiền		1970	Tiến sỹ	15.110	2	4.74		01/2009	15.110	3	5.08		01/2012	6	0.340	1,842,800	
47	Nguyễn Thị Hồng	Linh		1958	Tiến sỹ	15.110	4	5.42		04/2009	15.110	5	5.76		04/2012	3	0.340	996,200	
48	Lương Xuân	Chính	1953		Thạc sỹ	15.110	4	5.42		04/2009	15.110	5	5.76		04/2012	3	0.340	996,200	
49	Bùi Xuân	Sửu	1955		Thạc sỹ	15.110	4	5.42		01/2009	15.110	5	5.76		01/2012	6	0.340	1,842,800	
50	Nguyễn Tất	Cảnh	1958		Tiến sỹ	15.110	5	5.76		04/2009	15.110	6	6.10		04/2012	3	0.340	996,200	
51	Phạm Thị	Hương		1957	Tiến sỹ	15.110	5	5.76		04/2009	15.110	6	6.10		04/2012	3	0.340	996,200	
52	Nguyễn Hữu	Thành	1955		Tiến sỹ	15.110	5	5.76		04/2009	15.110	6	6.10		04/2012	3	0.340	996,200	
53	Nguyễn Thanh	Trà	1954		Tiến sỹ	15.110	5	5.76		04/2009	15.110	6	6.10		04/2012	3	0.340	996,200	
54	Phạm Thị	Hằng		1984	Thạc sỹ	15.111	1	2.34		04/2009	15.111	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
55	Lê Anh	Sơn	1984		Đại học	15.111	1	2.34		04/2009	15.111	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
56	Đặng Ngọc	Danh	1982		Đại học	15.111	1	2.34		04/2009	15.111	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
57	Đinh Thái	Hoàng	1984		Đại học	15.111	1	2.34		03/2009	15.111	2	2.67		03/2012	4	0.330	1,240,800	
58	Trần Vũ	Hà	1983		Đại học	15.111	1	2.34		03/2009	15.111	2	2.67		03/2012	4	0.330	1,240,800	
59	Nguyễn Đăng	Tùng	1983		Đại học	15.111	1	2.34		01/2009	15.111	2	2.67		01/2012	6	0.330	1,788,600	
60	Nguyễn Ngọc	Tú	1977		Thạc sỹ	15.111	2	2.67		05/2009	15.111	3	3.00		05/2012	2	0.330	693,000	
61	Nguyễn Thị Thu	Phương		1979	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		03/2009	15.111	3	3.00		03/2012	4	0.330	1,240,800	
62	Nguyễn Việt	Long	1979		Thạc sỹ	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
63	Nguyễn Thị Thanh	Loan		1978	Đại học	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
64	Mai Lan	Phương		1979	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
65	Lại Thị Ngọc	Hà		1976	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
66	Trương Hà	Thái	1978		Đại học	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
67	Lê Thị Kim	Lan		1979	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		05/2009	15.111	4	3.33		05/2012	2	0.330	693,000	
68	Lê Ngọc	Anh		1977	Tiến sỹ	15.111	3	3.00		02/2009	15.111	4	3.33		02/2012	5	0.330	1,514,700	
69	Ngọc Minh	Châu		1979	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		01/2009	15.111	4	3.33		01/2012	6	0.330	1,788,600	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc đợt 1 năm 2012					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã ngạch	Bậc trong ngạch	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Mã ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính nâng, bậc, PCTNVK lần sau				
70	Phi Thị Diễm	Hồng		1979	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		01/2009	15.111	4	3.33		01/2012	6	0.330	1,788,600	
71	Vũ Thanh	Hải	1975		Thạc sỹ	15.111	4	3.33		05/2009	15.111	5	3.66		05/2012	2	0.330	693,000	
72	Nguyễn Thị Minh	Tâm		1979	Thạc sỹ	15.111	4	3.33		05/2009	15.111	5	3.66		05/2012	2	0.330	693,000	
73	Trần Văn	Quang	1973		Tiến sỹ	15.111	4	3.33		04/2009	15.111	5	3.66		04/2012	3	0.330	966,900	
74	Nguyễn Văn	Toản	1977		Thạc sỹ	15.111	4	3.33		01/2009	15.111	5	3.66		01/2012	6	0.330	1,788,600	
75	Dương Văn	Nhiệm	1970		Thạc sỹ	15.111	5	3.66		05/2009	15.111	6	3.99		05/2012	2	0.330	693,000	
76	Nguyễn Văn	Cương	1959		Tiến sỹ	15.111	8	4.65		06/2009	15.111	9	4.98		06/2012	1	0.330	346,500	
77	Nguyễn Văn	Hải	1980		Đại học	17.170	1	2.34		04/2009	17.170	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
78	Phạm Thị	Luyến		1983	Đại học	17.170	1	2.34		04/2009	17.170	2	2.67		04/2012	3	0.330	966,900	
II.	**CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG**																		
79	Đỗ Thị	Hương		1961	Trung cấp	13.096	12	4.06		01/2010	13.096	12	4.06	5%	01/2012	6	0.203	1,100,260	
80	Nguyễn Văn	Kiên	1959			01.011	12	3.48	11%	01/2011	01.011	12	3.48	12%	01/2012	6	0.035	188,616	
81	Đặng Văn	Chương	1960			01.011	12	3.48	10%	01/2011	01.011	12	3.48	11%	01/2012	6	0.035	188,616	
82	Dương Văn	Sáng	1964		Trung cấp	13.096	12	4.06		01/2010	13.096	12	4.06	5%	01/2012	6	0.203	1,100,260	
83	Nguyễn Thị	My		1960	Trung cấp	13.096	12	4.06	6%	01/2011	13.096	12	4.06	7%	01/2012	6	0.041	220,052	
84	Nguyễn Ngọc	Sơn	1957		Trung cấp	13.096	12	4.06	6%	01/2011	13.096	12	4.06	7%	01/2012	6	0.041	220,052	

Tổng số danh sách này có: **84** người

Trong đó:

- Nâng bậc lương thường xuyên *78* người
- Được tính hưởng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung: *6* người

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Trần Đức Viên